

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST  
Ngày: 17- 10-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Hương.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2019/TLST-HS, ngày 28 tháng 8 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với:

**- Bị cáo:** Lương Văn Đ, sinh ngày 21/02/2005, tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm Tr, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: Hiện đang học Lớp 9 Trường THCS Tân Dân, huyện N, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H và bà Ngũ Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp cho Bị cáo:** Bà Trần Thị S, sinh năm 1961 (Bà nội của Lương Văn Đ); nơi cư trú: Xóm Tr, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**- Người bào chữa cho Bị cáo:** Ông Phạm Thế Kỷ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**- Đại diện Trường THCS Tân Dân:** Bà Võ Thị Hương Giang – Giáo viên Trường THCS Tân Dân, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị hại*: Cháu Nguyễn Văn Nhật T, sinh ngày 25/7/2012; Vắng mặt. Người đại diện hợp pháp cho Bị hại: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 3, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Lương Văn T, sinh năm 1951; nơi cư trú: Xóm Tr, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 3, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Bùi Hữu Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: Khối Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 01/7/2019, Lương Văn Đ điều khiển xe đạp điện nhãn hiệu ASMA của ông nội là Lương Văn T đi từ nhà mình theo đường Quốc lộ 46C đến thị trấn N. Khi đi đến Trung tâm y tế huyện N, Lương Văn Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã để xe đạp điện tại cổng Trung tâm y tế huyện N rồi đi bộ vào trong bệnh viện. Lúc này, Lương Văn Đ thấy cháu Nguyễn Văn Nhật T đang ngồi gác hai chân lên ghế nhựa tại hành lang của khoa Đ Y, thuộc Trung tâm y tế huyện N, hai tay khoanh trước ngực, để 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY XPIRA Z5 trên đùi và xem phim hoạt hình. Thấy vậy, Lương Văn Đ nảy sinh ý định cướp giật điện thoại của cháu T. Sau đó, Lương Văn Đ đi bộ T lại gần cháu T rồi dùng tay phải giật lấy điện thoại trên đùi cháu T và nhanh chóng bỏ chạy thì cháu T liền kêu lên: “*Mẹ ơi, mẹ ơi có anh ăn cướp điện thoại của con*”. Nghe vậy, chị Nguyễn Thị Đ là mẹ của cháu T liền hô hoán và đuổi theo Lương Văn Đ. Bị mọi người truy đuổi, Đại bỏ chiếc điện thoại vào túi xách da màu đen mang trên mình rồi lấy xe đạp điện và điều khiển xe chạy về phía đường Quốc lộ 46A. Khi đi đến gần trước cổng Công an huyện N thì Lương Văn Đ bị người dân bắt giữ, đưa về Trung tâm y tế huyện N và báo Công an huyện N, tỉnh Nghệ An đến để giải quyết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 81 ngày 02/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện N đã kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY XPIRA Z5 màu đen – vàng, mặt sau điện thoại bị nứt vỡ. Điện thoại được mua mới và sử dụng vào năm 2015 có giá trị tại thời điểm ngày 01/7/2019 là: 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-HS ngày 28/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An truy tố Lương Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo

quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 2 Điều 12; điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn Đ mức án tù 18 đến 21 tháng cải tạo tại không giam giữ về tội “Cướp giật tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Các tài sản đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định và không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn Đ đồng ý với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo không giam giữ.

Đại diện nhà trường nơi bị cáo học tập có ý kiến: Lương Văn Đ là một học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; bố mẹ đã ly hôn và hiện đang sinh sống cùng ông bà nội già yếu, nhưng em Đại luôn phấn đấu học tập tốt, thuộc diện học sinh khá của Trường; quá trình học tập em Đại không có biểu hiện gì xấu ảnh hưởng đến nhà trường. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo mọi điều kiện để Lương Văn Đ được tiếp tục con đường học tập, phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo rất ân hận. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo không giam giữ để có điều kiện tiếp tục học tập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 01/7/2019, tại Trung tâm y tế huyện N thuộc khối Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An, Lương Văn Đ có hành vi cướp giật 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SONY, loại Xperia Z5 của cháu Nguyễn Văn Nhật T, sinh ngày 25/7/2012, trú tại: xóm 3, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An có trị giá 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Với các hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cũng như để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có một mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, độ tuổi mà bắt đầu có sự thay đổi về tâm sinh lý, chưa nhận thức được đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của mình gây ra; dễ bị tác động, ảnh hưởng từ môi trường sống; Bị cáo là người cần có sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người khác (Bố mẹ đã ly hôn, bố đã hiện đang phải chấp hành án phạt tù, mẹ đã bỏ đi không ai chăm sóc và hiện đang sinh sống cùng ông bà nội già yếu), nên dẫn đến thiếu thốn về vật chất, tinh thần. Vì vậy, cần căn cứ vào các quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18

tuổi phạm tội được quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát và Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 100 của Bộ luật Hình sự, xem xét cho bị cáo được cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Bộ luật Hình sự quy định “Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định”. Đối chiếu với quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự thì không có quy định về hình phạt Cải tạo không giam giữ. Vì vậy, không có căn cứ để cho bị cáo được cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho bị cáo và chủ yếu nhằm mục đích giáo giục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang còn đi học. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ nghiêm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về bồi thường dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Các vật chứng không liên quan đến vụ án đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/10/2019) về tội “Cướp giật tài sản”.

Giao bị cáo Lương Văn Đ cho UBND xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp cho bị cáo và Người bào chữa cho bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, Người đại diện hợp pháp cho bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện N;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện N;
- Công an huyện N;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H;
- Sở tư pháp Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Mạnh**